TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2020/DS-ST.
Ngày: 22/5/2020
V/v tranh chấp ‘‘Hợp đồng góp hụi’’.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Văn Thành**.
+ Ông **Trần Văn Nhu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 473/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50A/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1976 (vắng mắt).
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ Phần trình bày của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do nhà gần nhau, chị H thấy bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, và làm ăn rất uy tín, nếu ai hốt hụi thì giao đầy đủ, nên tin tưởng, nên có tham gia góp nhiều dây hụi do bà P làm đầu thảo. Đến ngày 28/9/2019 bà P ngưng hụi và không trả tiền hụi lại cho chị H. Cụ thể như sau:

A- Hụi tháng: (một tháng khui một lần).

Dây 1: Khui ngày 20/4/2018(âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 2.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 20 phần, chị H góp một phần, và góp được 17 kỳ hụi chết, còn lại 3 phần hụi sống thì bà P ngưng hụi và không trả tiền hụi lại cho chị H. Như vậy trong dây hụi này bà P còn nợ chị H 17 kỳ X 2.000.000đ = 34.000.000đ.

Dây 2: Khui ngày 20/3/2019 (âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 20 phần, bà P góp 02 phần, và góp được 18 kỳ hụi

chết, còn 02 kỳ hụi sống thì bà P ngưng hụi và không trả tiền lại cho chị H. Như vậy trong dây hụi này bà P còn nợ chị H 18 kỳ hụi 1.000.000đ X 02 phần = 36.000.000đ.

Sau khi ngưng hụi bà P còn nợ chị H 02 dây hụi tháng với số tiền là 70.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định hụi 2.000.000đ/1 phần bà P lấy hoa hồng 500.000đ và hụi 1.000.000đ/1 phần thì lấy hoa hồng là 300.000đ. Nay chị đồng ý trả tiền hoa hồng cho bà Phương 02 phần hụi là 1.100.000đ, khi bà Phương trả hết tiền hụi cho chị.

II/ Phần trình bày của bị đơn bà Phạm Thị P.

Bà Phạm Thị P dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của chị H đòi bà P trả tiền nợ 2 dây hụi là 70.000.000đ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của bà cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà P có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự.

Bà Phạm Thị P là bị đơn trong vụ án, mặt dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho bà P Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của chị H đòi bà P trả tiền nợ 02 dây hụi là 70.000.000đ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của bà P cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị H trình bày do quen biết và là bà con lối xóm với nhau, biết bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi để hưởng hoa hồng và làm ăn có uy tín, nên chị H tin tưởng, chị H tham gia góp 02 dây hụi tháng. Đến ngày 28/9/2019 bà P tuyên bố ngưng hụi, mà không trả lại tiền hụi cho chị H. Nên chị H khởi kiện đòi bà P trả tiền 02 dây hụi, tổng cộng là 70.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay chị H đồng ý trừ lại 1.100.000đ tiền hoa hồng cho bà P. Còn lại là 68.900.000đ. Kèm theo đơn kiện chị H cung cấp cho Tòa án 02 danh sách hụi viên, theo chị H khai là các danh sách hụi viên này bà P viết, ký tên và giao cho chị cất giữ ngay lúc ban đầu khi mở dây hụi. Còn bị đơn bà P vắng mặt không lý do và bà P cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Mặt dù được Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà P Thông báo

thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hụi của chị H và triệu tập hợp lệ bà P đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần. Như vậy xem như bà P từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay chị H khai là có tham gia góp hụi chung với nhiều người nữa, chị cũng làm chứng cho những người này đi khởi kiện tại Tòa án, nay án có hiệu lực pháp luật nhưng bà P cũng chưa trả nợ được cho ai hết. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, đến nay đã ngưng hụi nhưng không trả tiền cho các hụi viên, hiện nay còn nợ chị H dây hụi tháng và 02 dây hụi tổng cộng là 70.000.000đ tiền hụi, trừ tiền hoa hồng bà P được hưởng là 1.100.000đ. Còn lại là 68.900.000đ là có căn cứ và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

-Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn chị H.

Nhận thấy theo chị H là khi góp hụi hai bên thỏa thuận: Người hụi viên phải góp hụi đầy đủ tiền hụi khi đến kỳ khui hụi và được nhận tiền hụi khi hốt hụi; Người làm đầu thảo có trách nhiệm giao đủ tiền cho hụi viên khi hụi viên hốt hụi và được hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Như vậy khi đang thực hiện hợp đồng góp hụi thì bà P tuyên bố ngưng hụi và cũng không giao tiền hụi lại cho chị H. Cho thấy bà P là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu khi giao kết hợp đồng góp hụi. Nay chị H đòi bà P phải trả lại toàn bộ tiền hụi là có căn cứ và đúng qui định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần bà P trả cho chị H 68.900.000đ tiền nợ hụi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng qui định pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 29 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[3] về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ các Điều 28, 29, 30 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Phạm Thị P trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ 02 dây hụi là 68.900.000đ (Sáu mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà P phải chịu 3.445.000đ (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Hoàn lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000đ (Một triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0002873 ngày 19/12/2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn chị H được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG